

# WEEKLY WRAP

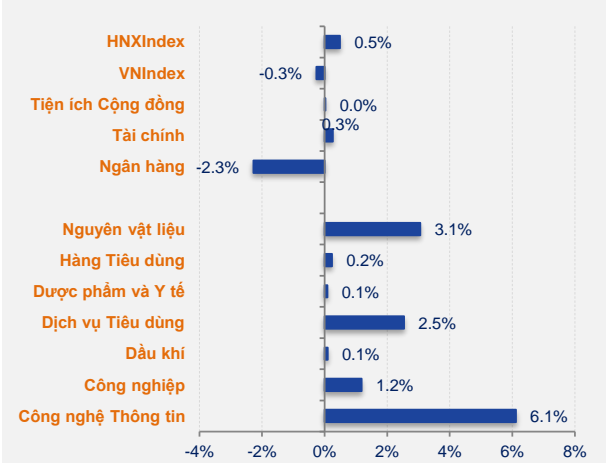
Tuần GD: 29/1/2024 - 2/2/2024

## THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

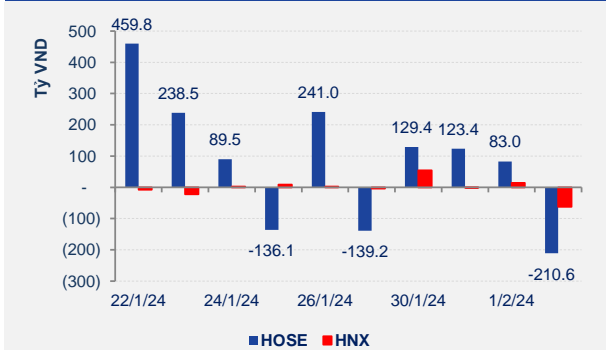
Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
<b>Thống kê thị trường</b>				
Index	1,172.55 ↓	-0.3%	230.56 ↑	0.5%
KLGD (trCP)	3,722.80 ↑	18.7%	345.39 ↑	13.7%
GTGD (tỷ VND)	86,466.59 ↑	17.8%	6,658.76 ↑	21.8%
Tổng cung (trCP)	8,058.65 ↑	3.9%	693.77 ↑	7.3%
Tổng cầu (trCP)	7,627.29 ↑	6.4%	525.06 ↑	1.0%

Giao dịch NĐT nước ngoài				
KL mua (trCP)	256.08 ↑	1.7%	8.33 ↑	187.6%
KL bán (trCP)	250.61 ↑	29.2%	11.11 ↑	110.9%
GT mua (tỷ VND)	7,790.35 ↑	2.6%	239.75 ↑	167.7%
GT bán (tỷ VND)	7,804.40 ↑	16.5%	238.42 ↑	127.3%

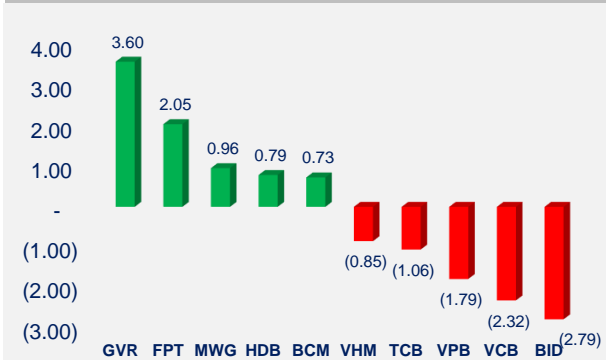
### Biến động giá Ngành theo Tuần



### Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



### Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX tiếp tục trải qua tuần giao dịch chịu áp lực điều chỉnh khi gặp vùng kháng cự quanh 1.185 điểm, tương ứng kháng cự đường xu hướng giảm giá trung dài hạn tính từ vùng giá 1.500 điểm tháng 04/2022 đến nay. Điểm nhấn trong tuần là phiên giao dịch chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản đột biến hơn 01 tỷ USD. VN-INDEX sau đó phục hồi tốt trở lại ở vùng giá 1.160 điểm với nhiều mã vẫn vượt vùng giá đỉnh gần nhất. Kết tuần VN-INDEX ở mức 1.172,55 điểm giảm 0,27% so với tuần trước với mức độ phân hóa tích cực. HNX-INDEX kết tuần ở mức 230,56 điểm tăng 0,49% so với tuần trước, thể hiện phân hóa tích cực.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 86,459,44 tỉ đồng, tăng 17,7% so với tuần trước, trên mức trung bình, khối lượng giao dịch tăng mạnh hơn 18,7%. HNX-INDEX thanh khoản tăng mạnh 21,8% với 6.658,76 tỉ đồng được giao dịch. Thể hiện mức độ phân hóa mạnh và dòng tiền ngắn hạn vẫn có tín hiệu xoay vòng tích cực, luân chuyển ở từng nhóm mã với nhiều mã vẫn tăng giá vượt trội trong thời gian công bố kết quả kinh doanh quý IV/2023. Nhà đầu tư nước ngoài sau gia tăng giao dịch và bán ròng nhẹ với giá trị 14,04 tỉ đồng trên HOSE; mua ròng trên HNX với giá trị 1,33 tỉ đồng.

Thị trường đón nhận nhiều thông tin trong tuần như: Ủy ban Thị trường mở Liên bang (FOMC) đã nhất trí giữ nguyên lãi suất (5,25% - 5,5%) lần thứ tư liên tiếp, phát đi tín hiệu đã hoàn tất việc tăng lãi suất; Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng PMI ngành Sản xuất Việt Nam của S&P Global tháng 1/2024 đạt 50,3 điểm so với 48,9 điểm của tháng 12 và lần đầu tiên sau 4 tháng liên tiếp quay trở lại trên ngưỡng 50 điểm; Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2024 tăng 0,31% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2023, CPI tháng Một tăng 3,37%; lạm phát cơ bản tháng 01/2024 tăng 2,72%.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản khá đột biến, nhất là trong phiên giao dịch ngày 31/01/2024, gây áp lực tiêu cực đến chỉ số chung khi đa số kết thúc tuần giảm điểm mạnh, thanh khoản gia tăng đột biến kém tích cực như SHB (-7,29%), EIB (-5,38%), NVB (-5,31%), VPB (-4,81%)... ngoài các mã tăng giá VAB (5,71%), HDB (+4,93%), LPB (+2,01%)...

Trong khi đó dòng tiền ngắn hạn vẫn luân chuyển rất tốt trong thị trường khi nhiều mã, nhóm mã vẫn tăng giá vượt trội trong tuần qua, thanh khoản gia tăng mạnh, đột biến, vượt các vùng giá đỉnh cũ, nổi bật nhất ở nhóm bất động sản khu công nghiệp, cao su với SNZ (+22,74%), GVR (14,69%), DTD (+12,85%), LHG (+10,89%), PHR (+10,06%)... Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến nổi bật tuy nhiên mức độ phân hóa mạnh hơn với các mã tăng giá tốt như MBS (+8,13%), FTS (+8,11%), CTS (+7,57%), AGR (+3,61%)... ngoài các mã giảm điểm TCI (-4,81%), TVB (-3,19%), CSI (-3,14%)...

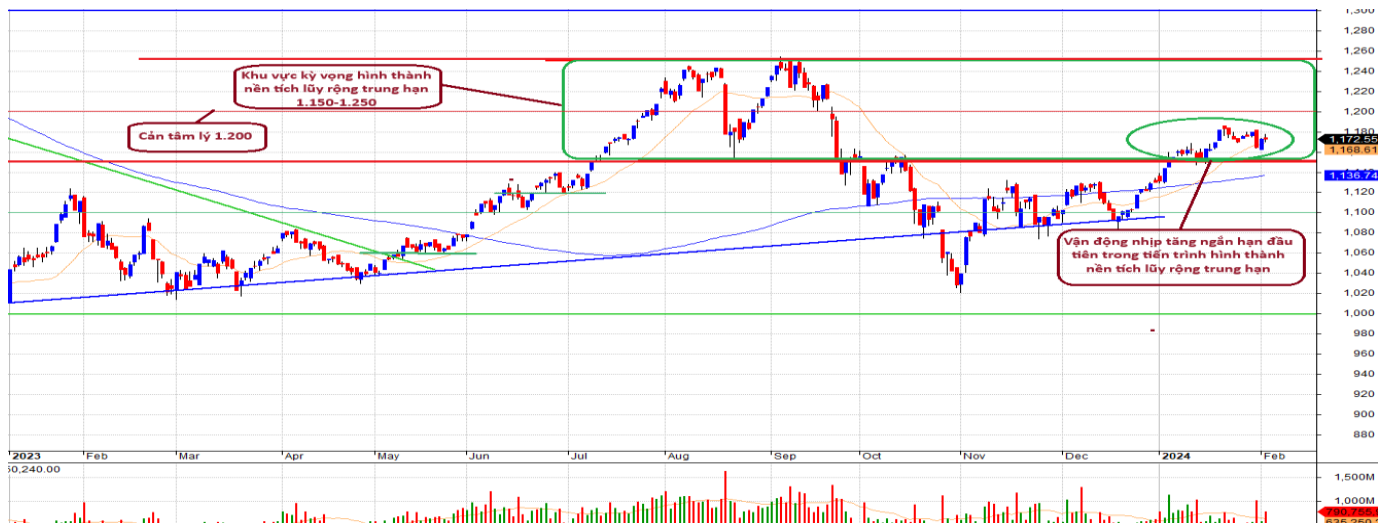
Nhóm cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến phân hóa tích cực, nhiều mã tăng giá tốt, vượt vùng đỉnh cũ, thanh khoản đột biến sau khi VN-INDEX điều chỉnh mạnh, nổi bật như PXL (+23,53%), IJC (+6,60%), TCH (+5,81%), VPI (+5,42%)... ngoài HD6 (-15,21%), DLG (-10,94%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2402 kết tuần ở mức 1.181,1 điểm, chênh lệch dương gia tăng lên 6,34 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch dưới mức trung bình. VN30F2402 chuyển sang tích lũy trên vùng hỗ trợ quanh 1.175 điểm, vùng kháng cự tâm lý 1.190-1.200 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 8,24 điểm đến 1,24 điểm so với VN30. Cả 04 kỳ hạn đều chênh lệch dương, thể hiện các trader vẫn rất lạc quan về xu hướng tăng của VN30, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn và phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn.

# WEEKLY WRAP

Tuần GD: 29/1/2024 - 2/2/2024

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường lưỡng lự và gần như đi ngang sau phiên hồi phục, chốt phiên VnIndex giảm nhẹ -0,47 điểm (-0,04%) và đóng cửa ở 1.172,55 điểm. Trong ngắn hạn VnIndex trong nhịp tăng nhưng xu hướng test lại hỗ trợ của nền tích lũy nhỏ vẫn chưa kết thúc, về trung hạn VnIndex đang vận động trong khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.150-1.250.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường trong nhịp tăng đầu tiên để vận động trong kênh tích lũy rộng, VnIndex tiệm cận cán tâm lý ngắn hạn 1.200 và đã điều chỉnh trở lại, hiện tại VnIndex đang test ngưỡng hỗ trợ là vùng điểm số của kênh tích lũy nhỏ. Phiên giảm điểm nhẹ hôm nay không ảnh hưởng nhiều tới vận động trong ngắn hạn và vẫn có giá trị giảm thiểu khả năng VnIndex sẽ còn điều chỉnh sâu hơn để test hỗ trợ 1.150, với quan điểm tích cực chúng tôi cho rằng vận động ngắn hạn của VnIndex sẽ hướng tới vùng cán tâm lý 1.200.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ giao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Với những vận động của VnIndex trong thời gian qua xác nhận VnIndex đang dần vận động để hình thành kênh tích lũy rộng trung hạn 1.150-1.250.

Tình hình vĩ mô trong nước mặc dù ổn định với thống kê tăng trưởng GDP các quý đang tăng dần nhưng tốc độ tăng trưởng không đạt kỳ vọng, tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, những khó khăn đối với thị trường BDS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn chưa có bước chuyển biến căn cơ. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp đặc biệt là khu vực EU có nhiều nền kinh tế bước vào suy thoái như Đức, Hà Lan... Điểm tích cực là tình hình lạm phát đã bình ổn và FED đã phát tín hiệu dừng tăng lãi suất đồng thời để ngỏ khả năng khởi động chu kỳ giảm lãi trong năm 2024. Với tình trạng vĩ mô tốt xấu đan xen, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Thị trường gần như đi ngang và chưa xác nhận test hỗ trợ nền tích lũy nhỏ thành công tuy nhiên vẫn giúp giảm thiểu khả năng VnIndex test lại hỗ trợ 1.150, nhà đầu tư ngắn hạn vẫn có cơ hội giải ngân trong các phiên tới với kỳ vọng VnIndex sẽ tiệm cận 1.200. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## WEEKLY WRAP

Tuần GD:

29/1/2024

- 2/2/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
DPM	33.00	31-33	38-39	29	24.2	-13.3%	-90.6%	Theo dõi giải ngân
FOX	61.72	57-59	67-69	53	12.8	4.9%	15.2%	Theo dõi giải ngân
DPR	33.80	31-32	36-37	29	14.2	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
DCM	32.70	31-32	35-36	30	15.6	-20.0%	-50.7%	Theo dõi giải ngân
VCS	60.80	58-60	68-69	55	11.5	-6.0%	14.5%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
11/1/2023	BVS	26.40	22.3	28-28.5	25	18.4%	Nắm giữ
11/8/2023	PHR	53.60	45.1	52-53	51	18.8%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	27.80	27.55	30-31	26.5	0.9%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.55	18.09	23-24	19	8.1%	Nắm giữ



### TIN VĨ MÔ

**Sẽ có 9 nghị định, 6 thông tư hướng dẫn Luật Đất đai**

Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho biết, dự kiến sẽ có 9 nghị định, 6 thông tư, 1 quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành để quy định chi tiết các nội dung của Luật Đất đai (sửa đổi). Tại buổi họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 1/2024, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Lê Minh Ngân cho biết Bộ đã rà soát, xây dựng kế hoạch để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Luật Đất đai 2024, trong đó có những nội dung đáng chú ý.

**Hà Nội cấp phép mới 10 dự án FDI**

Trong tháng 1/2024, thành phố thu hút 866,8 triệu USD vốn FDI; trong đó có 10 dự án được cấp phép mới với tổng vốn đăng ký đạt 859,4 triệu USD. Cục Thống kê thành phố Hà Nội cho biết, trong tháng 1/2024, thành phố thu hút 866,8 triệu USD vốn FDI ; trong đó có 10 dự án được cấp phép mới với tổng vốn đăng ký đạt 859,4 triệu USD; có 6 dự án được điều chỉnh tăng vốn đầu tư với số vốn đăng ký tăng thêm đạt 5,1 triệu USD; nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần 7 lượt, đạt 2,3 triệu USD.

**Giải ngân vốn đầu tư công tháng 1 đạt 2,58% kế hoạch**

Ngày 1/2, Bộ Tài chính cho biết, hết tháng đầu năm 2023, ước giải ngân vốn đầu tư công của năm 2024 là 16.934,3 tỷ đồng, đạt 2,46% kế hoạch (đạt 2,58% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Năm 2024 kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, kế hoạch vốn cân đối địa phương giao tăng là 688.496,3 tỷ đồng. Cụ thể, Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương là 657.349 tỷ đồng; các địa phương giao tăng so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (theo số liệu cập nhật đến thời điểm báo cáo) là 13.076 tỷ đồng.

**Giá vàng thế giới gần đỉnh 1 tháng, trong nước vượt xa mốc 78 triệu đồng/lượng**

Giá vàng miếng trong nước sáng nay (2/2) tiếp tục tăng mạnh hơn giá quốc tế, hướng tới mốc 79 triệu đồng/lượng... Giá vàng thế giới tăng lên gần mức cao nhất trong 1 tháng trong bối cảnh nhà đầu tư chờ báo cáo việc làm dự kiến được Bộ Lao động Mỹ công bố vào ngày thứ Sáu để định hình kỳ vọng về đường đi của lãi suất. Giá vàng miếng trong nước sáng nay (2/2) tiếp tục tăng mạnh hơn giá quốc tế, hướng tới mốc 79 triệu đồng/lượng.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS) lãi 293 tỷ đồng trong quý IV/2023, giảm 46%**

Năm 2023, Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC, mã chứng khoán PVS – sàn HNX) mang về 899 tỷ đồng lãi ròng, vượt xấp xỉ 61% kế hoạch lợi nhuận năm. Trong quý IV/2023, doanh thu thuần PTSC đạt 6.758 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ năm ngoái. Do giá vốn tăng mạnh hơn với 33% lên 6.382 tỷ đồng, dẫn tới lợi nhuận gộp PTSC giảm 21%, về còn 376 tỷ đồng. Kết quả, PTSC lãi sau thuế 293 tỷ đồng, giảm 46% so với cùng kỳ. Công ty mẹ báo lãi 286 tỷ đồng, giảm 45%.

**Thuận Đức (TDP) đạt 17,5 tỷ đồng lãi sau thuế quý IV/2023, tăng 94%**

CTCP Thuận Đức (mã chứng khoán TDP - sàn HOSE) mới công bố kết quả kinh doanh quý IV và cả năm 2023 với lãi ròng đạt 43,4 tỷ đồng, hoàn thành 46% kế hoạch năm. Trong quý IV/2023, doanh thu thuần của TDP đạt 1.134,8 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm ngoái. Do giá vốn tăng 15%, lên 1.036,6 tỷ đồng, dẫn tới lợi nhuận gộp doanh nghiệp đạt 98,2 tỷ đồng, tăng 33% so với quý IV/2022. Tính cả năm 2023, doanh thu thuần của Thuận Đức đạt 3.849,6 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm ngoái, Do đó, lợi nhuận sau thuế doanh nghiệp đạt 43,4 tỷ đồng, giảm 45% so với kết quả năm 2022 và đạt 46% kế hoạch năm.

**Chứng khoán FPT cài số lùi lợi nhuận 2024, muốn thưởng cổ phiếu cho cổ đông**

CTCP Chứng khoán FPT (FTPS, HOSE: FTS) vừa phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024. Năm nay, Doanh nghiệp “cài số lùi” cả về mục tiêu doanh thu và lợi nhuận. Năm 2024, HĐQT nhất trí đặt mục tiêu tổng doanh thu hoạt động và doanh thu tài chính đạt 845 tỷ đồng, giảm 8% so với năm 2023. Lãi trước thuế đã thực hiện trên vốn điều lệ dự kiến giảm xuống mức 17.79%. Theo BCTC quý 4/2023, FTS lãi trước thuế 64 tỷ đồng, giảm 42% so với cùng kỳ năm trước. Do lãi quý 3 trước đó tăng đột biến, kéo theo lãi trước thuế cả năm lên 542 tỷ đồng, tăng 23% so với năm trước, vượt 29% kế hoạch lợi nhuận năm. Lãi ròng khoảng 455 tỷ đồng, tăng 40%.

**Lãi ròng quý 4 của ELC gấp 28 lần cùng kỳ, khép năm 2023 vượt 38% kế hoạch**

CTCP Công Nghệ - Viễn Thông Elcom (HOSE: ELC) lãi ròng quý 4 gấp 28 lần cùng kỳ, nhờ thực hiện các dự án, hợp đồng giá trị lớn, bên cạnh lãi từ đầu tư tài chính tăng mạnh. Khép năm 2023, ELC vượt 38% kế hoạch lợi nhuận đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần quý 4/2023 của ELC đạt 523 tỷ đồng, tăng 120% so với cùng kỳ. Lãi gộp tăng 145% lên 72 tỷ đồng. Biên lãi gộp ở mức 13.8%, cải thiện 1.4 điểm phần trăm. Năm 2023, ELC đặt mục tiêu doanh thu thuần 850 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 56 tỷ đồng. Như vậy, Công ty đã vượt 15% kế hoạch doanh thu và vượt 38% kế hoạch lợi nhuận.

**HOSE**
**Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất**

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	AAA	9,537,016	VRE	(19,193,101)
2	SSI	7,464,921	LPB	(6,854,579)
3	HPG	6,537,661	VNM	(4,812,675)
4	HSG	6,240,741	PC1	(4,284,000)
5	PDR	5,987,377	VHM	(3,809,864)

**HNX**

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TNG	1,114,780	SHS	(4,432,084)
2	IDC	1,041,589	TIG	(414,270)
3	MBS	669,170	THT	(172,500)
4	DTD	289,883	IDJ	(152,500)
5	CEO	279,635	PMS	(142,600)

**Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.35	11.45	↓ -7.29%	247,108,074
EIB	19.50	18.45	↓ -5.38%	192,000,700
VIX	17.35	17.70	↑ 2.02%	137,397,700
NVL	16.60	17.00	↑ 2.41%	126,094,400
SSI	34.10	34.80	↑ 2.05%	103,752,601

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.40	18.30	↓ -0.54%	75,111,552
CEO	21.70	21.60	↓ -0.46%	27,890,562
MBS	24.60	26.60	↑ 8.13%	21,819,993
HUT	19.50	19.10	↓ -2.05%	18,213,031
PVS	36.90	36.70	↓ -0.54%	16,319,827

**Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QNP	34.20	41.85	7.7	↑ 22.37%
PAC	25.70	31.10	5.4	↑ 21.01%
HTL	12.40	14.90	2.5	↑ 20.16%
VFG	47.80	56.30	8.5	↑ 17.78%
GVR	21.45	24.60	3.2	↑ 14.69%

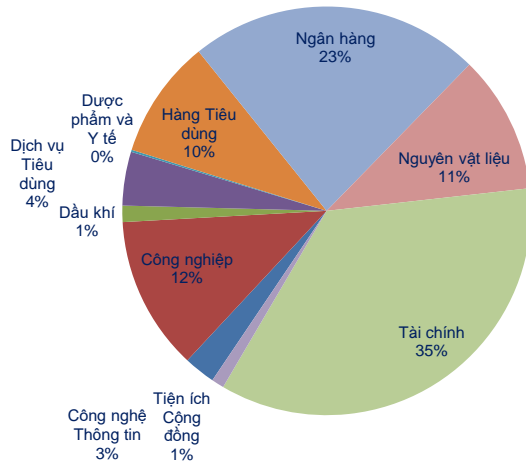
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TMB	43.70	59.80	16.1	↑ 36.84%
KSQ	2.80	3.80	1.0	↑ 35.71%
DTG	25.00	31.50	6.5	↑ 26.00%
TFC	7.50	9.20	1.7	↑ 22.67%
ARM	22.10	26.70	4.6	↑ 20.81%

**Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ST8	18.30	13.85	-4.5	↓ -24.32%
FDC	16.75	13.45	-3.3	↓ -19.70%
MHC	9.10	7.78	-1.3	↓ -14.51%
TN1	15.30	13.40	-1.9	↓ -12.42%
HNG	4.98	4.37	-0.6	↓ -12.25%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGC	78.50	60.00	-18.5	↓ -23.57%
TKG	10.40	8.30	-2.1	↓ -20.19%
TPH	13.70	11.20	-2.5	↓ -18.25%
ATS	16.60	13.80	-2.8	↓ -16.87%
DVG	3.50	3.00	-0.5	↓ -14.29%

(\*) Giá điều chỉnh

**THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH**
**Giá trị giao dịch tuần theo Ngành**

**Chuỗi PE ngành và thị trường**

**Top KLGD lớn nhất HOSE**

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	247,108,074	16.1%	2,064	5.6	0.8
EIB	192,000,700	10.1%	1,244	15.0	1.4
VIX	137,397,700	11.6%	1,444	12.1	1.3
NVL	126,094,400	1.8%	413	40.5	0.7
SSI	103,752,601	10.1%	1,531	22.6	2.2

**Top KLGD lớn nhất HNX**

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	75,111,552	5.7%	688	26.6	1.4
CEO	27,890,562	3.1%	408	52.4	1.8
MBS	21,819,993	12.3%	1,334	19.4	2.2
HUT	18,213,031	0.6%	82	233.3	1.5
PVS	16,319,827	6.6%	1,812	20.4	1.3

**Top Đột biến giá HOSE**

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QNP	↑ 22.4%	14.0%	2,779	16.1	2.2
PAC	↑ 21.0%	12.3%	2,479	12.1	1.5
HTL	↑ 20.2%	15.7%	3,225	4.3	0.6
VFG	↑ 17.8%	24.8%	7,079	7.6	1.8
GVR	↑ 14.7%	4.8%	646	37.1	1.7

**Top Đột biến giá HNX**

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TMB	↑ 36.8%	58.0%	22,893	2.6	1.2
KSQ	↑ 35.7%	3.0%	265	13.6	0.4
DTG	↑ 26.0%	20.7%	4,254	8.1	1.5
TFC	↑ 22.7%	22.2%	2,983	2.9	0.6
ARM	↑ 20.8%	11.0%	1,295	18.8	2.0

**Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE**

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
AAA	9,537,016	4.8%	761	14.2	0.7
SSI	7,464,921	10.1%	1,531	22.6	2.2
HPG	6,537,661	6.9%	1,175	23.7	1.6
HSG	6,240,741	7.5%	1,321	17.3	1.3
PDR	5,987,377	7.3%	1,007	28.0	2.2

**Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX**

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TNG	1,114,780	12.9%	1,988	10.4	1.3
IDC	1,041,589	22.6%	4,221	13.3	3.0
MBS	669,170	12.3%	1,334	19.4	2.2
DTD	289,883	19.5%	4,328	6.6	1.1
CEO	279,635	3.1%	408	52.4	1.8

**Top Vốn hóa HOSE**

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	501,900	21.7%	5,910	15.2	3.0
BID	269,346	19.0%	3,781	12.5	2.2
VHM	179,400	20.0%	7,607	5.4	1.0
GAS	173,404	18.4%	5,053	14.9	2.7
CTG	172,108	17.0%	3,723	8.6	1.3

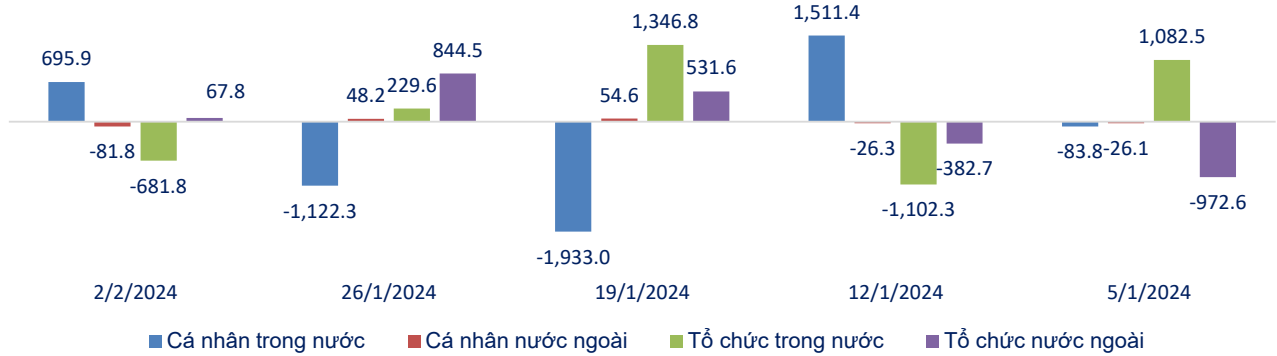
**Top Vốn hóa HNX**

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	18,480	22.6%	4,221	13.3	3.0
PVS	17,637	6.6%	1,812	20.4	1.3
HUT	17,047	0.6%	82	233.3	1.5
SHS	14,881	5.7%	688	26.6	1.4
THD	13,475	3.0%	470	74.5	2.2



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	480.73	12.4%	1,940	11.7	1.4
TCB	354.83	14.7%	5,118	6.7	0.9
VNM	287.19	26.2%	4,248	15.9	4.0
VHM	286.20	20.0%	7,607	5.4	1.0
PC1	235.41	1.9%	439	68.8	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-369.73	10.1%	1,531	22.6	2.2
MWG	-330.99	0.7%	115	403.2	2.9
PNJ	-298.63	21.6%	6,002	15.3	3.1
STB	-253.91	18.3%	4,094	7.3	1.2
HPG	-206.14	6.9%	1,175	23.7	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	12.64	13.0%	1,657	13.1	1.6
VRE	8.90	12.4%	1,940	11.7	1.4
SAB	8.85	16.4%	3,210	17.9	2.9
VPB	8.56	8.3%	1,445	13.3	1.1
FRT	6.02	-18.3%	(2,537)	-	9.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-43.38	23.4%	5,105	19.6	4.2
DCM	-10.99	10.7%	2,091	15.4	1.7
TV2	-8.03	3.9%	785	52.7	2.1
PDR	-7.33	7.3%	1,007	28.0	2.2
DPM	-6.11	4.2%	1,361	24.3	1.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	269.67	0.7%	115	403.2	2.9
ACB	181.25	24.8%	4,131	6.3	1.4
VSC	166.61	3.9%	908	23.9	1.3
STB	129.51	18.3%	4,094	7.3	1.2
SSI	110.49	10.1%	1,531	22.6	2.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-354.34	14.7%	5,118	6.7	0.9
NVL	-199.50	1.8%	413	40.5	0.7
MBB	-160.67	23.5%	3,966	5.5	1.2
VHM	-128.40	20.0%	7,607	5.4	1.0
PC1	-107.08	1.9%	439	68.8	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	314.58	21.6%	6,002	15.3	3.1
SSI	262.91	10.1%	1,531	22.6	2.2
PDR	185.18	7.3%	1,007	28.0	2.2
HPG	179.03	6.9%	1,175	23.7	1.6
HSG	148.96	7.5%	1,321	17.3	1.3

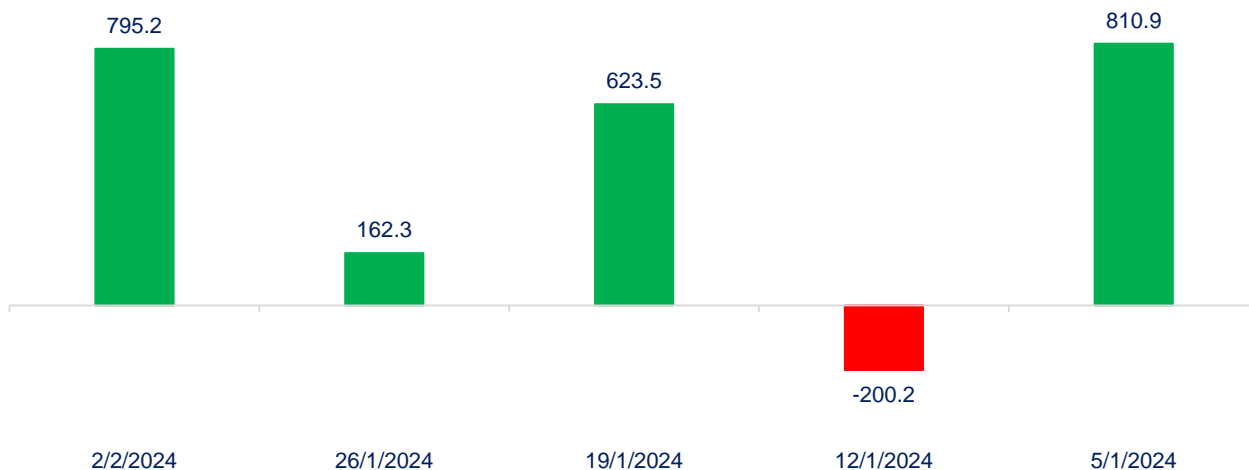
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	-449.54	12.4%	1,940	11.7	1.4
VNM	-324.18	26.2%	4,248	15.9	4.0
VHM	-157.08	20.0%	7,607	5.4	1.0
PC1	-128.78	1.9%	439	68.8	1.3
LPB	-122.12	19.2%	2,594	6.9	1.3

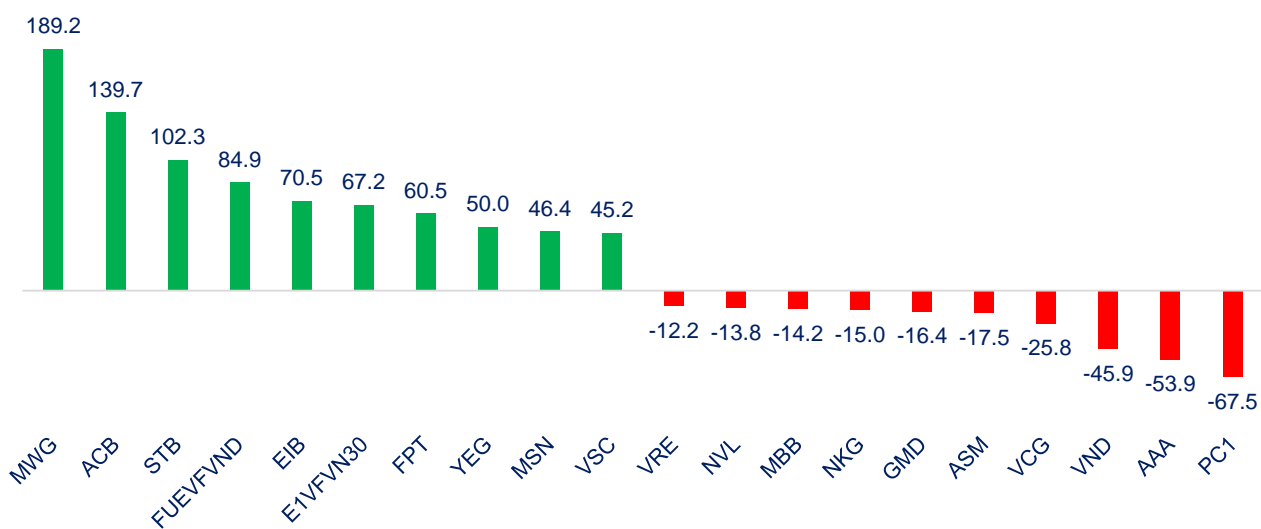




Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
11/12/2023	2/2/2024	27/12/2023	26/12/2023	<b>BLI</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
19/12/2023	2/2/2024	25/12/2023	22/12/2023	<b>PVS</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
20/12/2023	2/2/2024	8/1/2024	5/1/2024	<b>CAR</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
21/12/2023	2/2/2024	4/1/2024	3/1/2024	<b>SBH</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
26/12/2023	2/2/2024	17/1/2024	16/1/2024	<b>TRA</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/1/2024	2/2/2024	18/1/2024	17/1/2024	<b>HNP</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/1/2024	2/2/2024	15/1/2024	12/1/2024	<b>GEE</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/1/2024	2/2/2024	22/1/2024	19/1/2024	<b>TNG</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26/1/2024	2/2/2024	2/2/2024	1/2/2024	<b>ABB</b>	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
2/2/2024	2/2/2024	2/2/2024	2/2/2024	<b>FUESSV50</b>	Niêm yết thêm
2/2/2024	2/2/2024	2/2/2024	2/2/2024	<b>E1VFN30</b>	Niêm yết thêm
25/12/2023	3/2/2024	10/1/2024	9/1/2024	<b>CEG</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
25/12/2023	3/2/2024	10/1/2024	9/1/2024	<b>CE1</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
2/3/2021	5/2/2024	2/2/2024	2/2/2024	<b>TCD</b>	Niêm yết thêm
19/12/2023	5/2/2024	5/1/2024	4/1/2024	<b>ISG</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
4/1/2024	5/2/2024	10/1/2024	9/1/2024	<b>VLB</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/1/2024	5/2/2024	22/1/2024	19/1/2024	<b>IDP</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/1/2024	5/2/2024	25/1/2024	24/1/2024	<b>SBM</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/1/2024	5/2/2024	2/2/2024	2/2/2024	<b>SDT</b>	Chuyển Sàn
10/1/2024	6/2/2024	19/1/2024	18/1/2024	<b>CTR</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/1/2024	6/2/2024	2/2/2024	1/2/2024	<b>SGS</b>	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
18/1/2024	6/2/2024	25/1/2024	24/1/2024	<b>BDT</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/12/2023	7/2/2024	5/1/2024	4/1/2024	<b>SAB</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/1/2024	7/2/2024	12/1/2024	11/1/2024	<b>TTP</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
31/1/2024	7/2/2024	2/2/2024	2/2/2024	<b>TTZ</b>	Chuyển Sàn
17/1/2024	8/2/2024	26/1/2024	25/1/2024	<b>CTC</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
10/4/2023	16/2/2024	2/2/2024	2/2/2024	<b>DTD</b>	Niêm yết thêm
29/12/2023	16/2/2024	8/1/2024	5/1/2024	<b>HVT</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/1/2024	16/2/2024	19/1/2024	18/1/2024	<b>MAS</b>	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
9/1/2024	18/2/2024	23/1/2024	22/1/2024	<b>VTD</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---